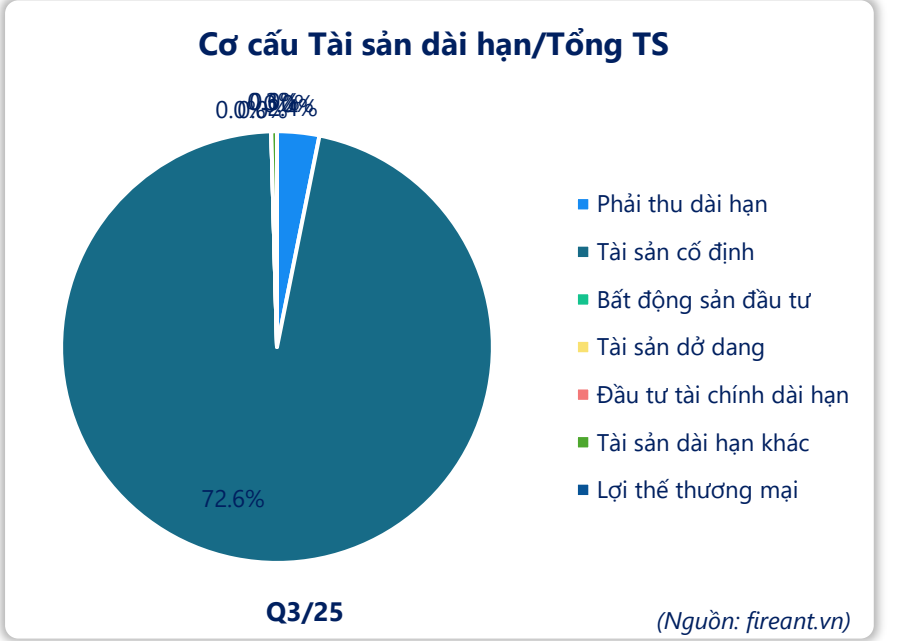
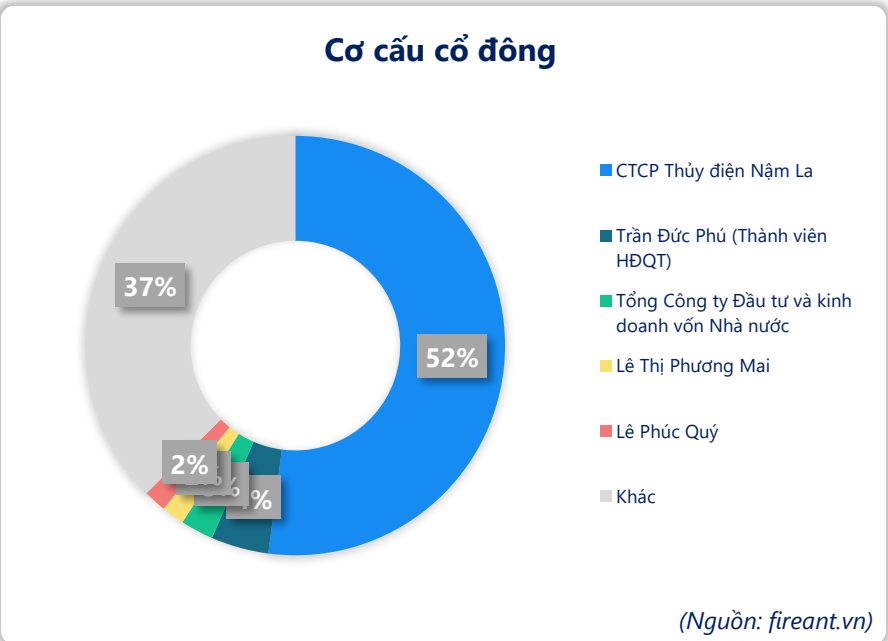
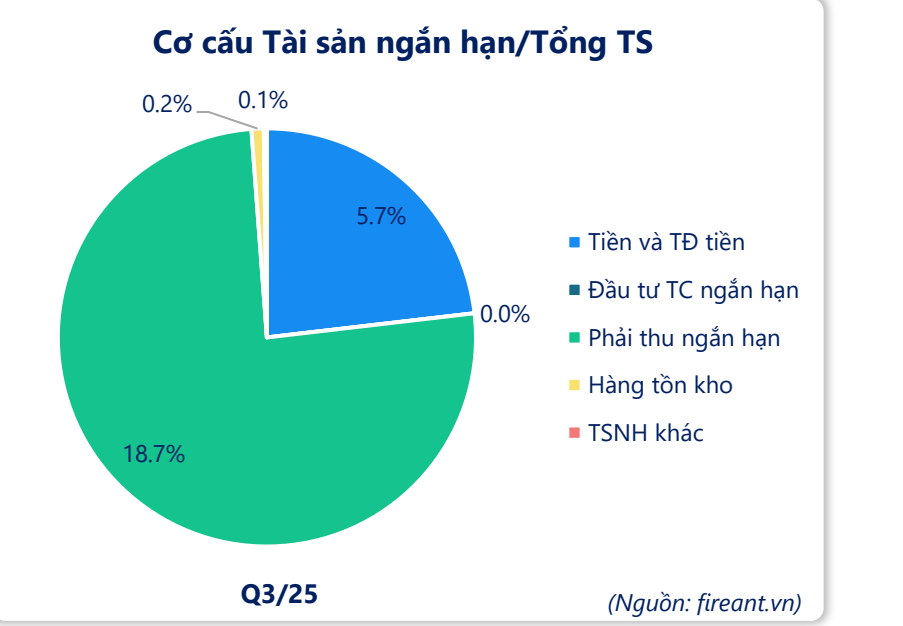
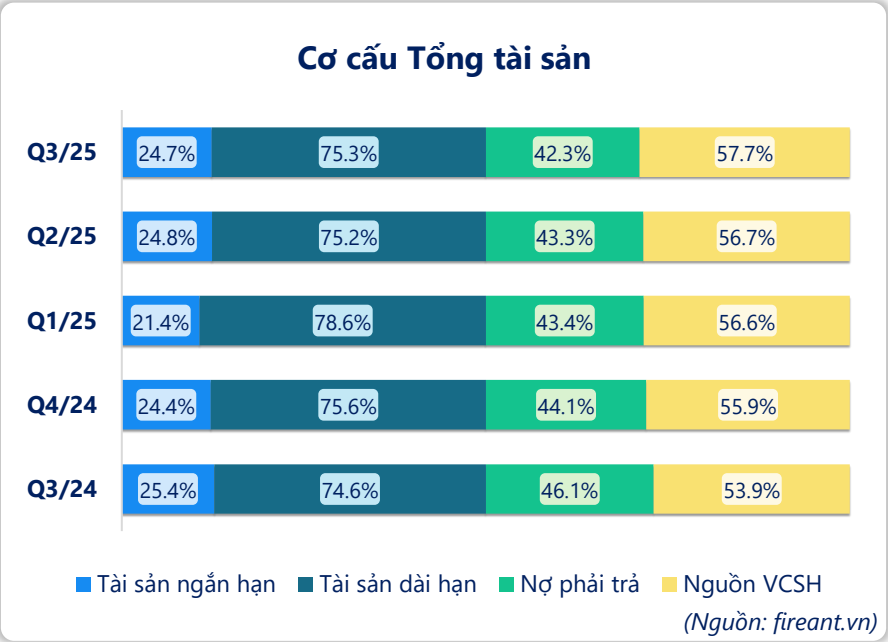
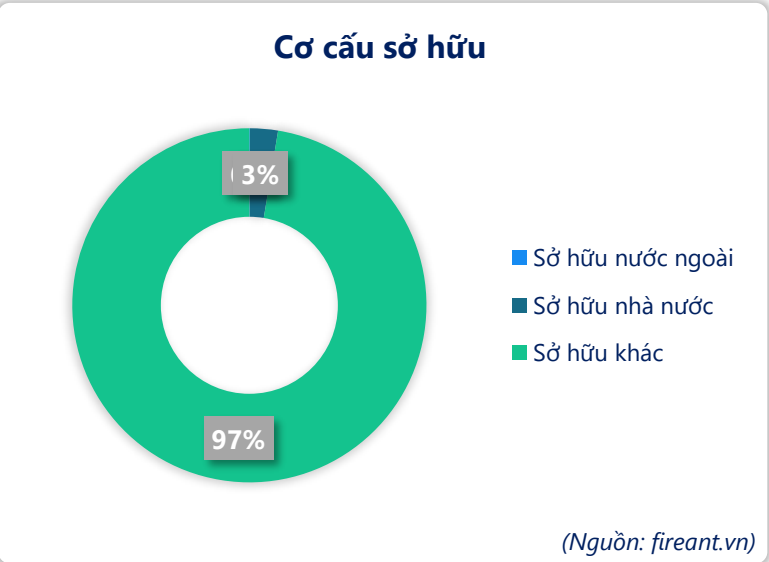
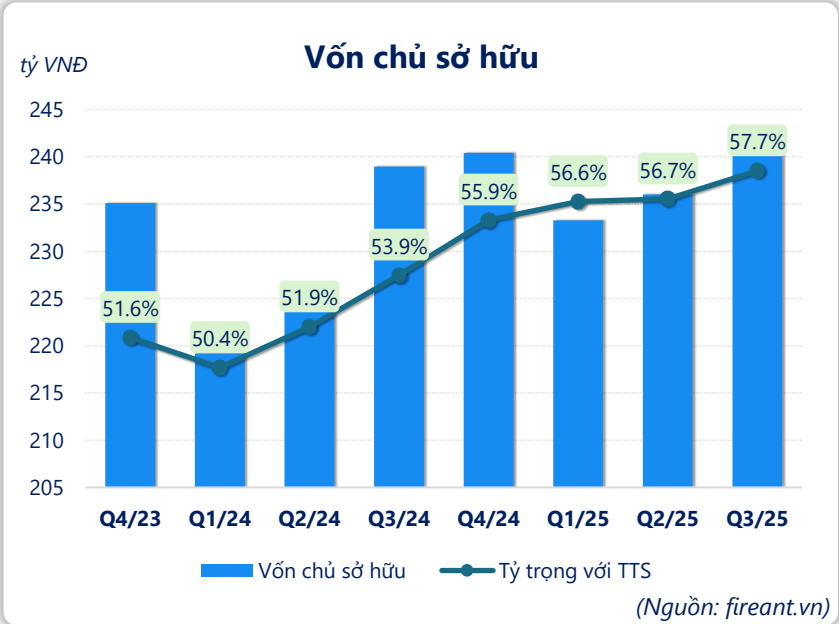
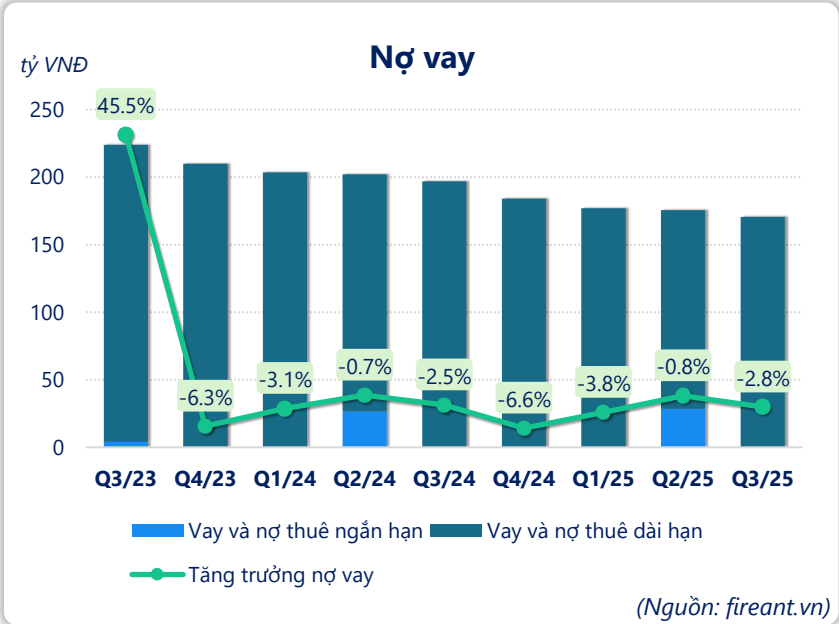
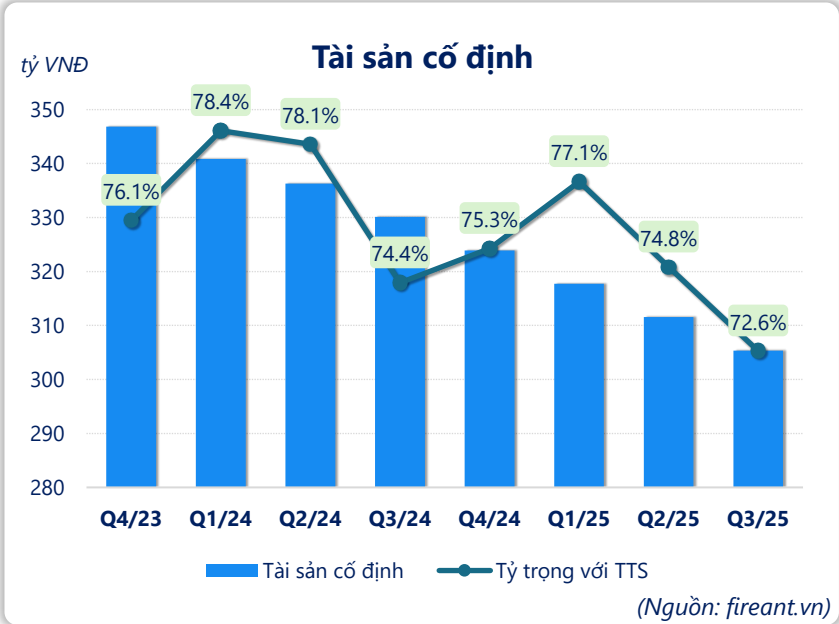
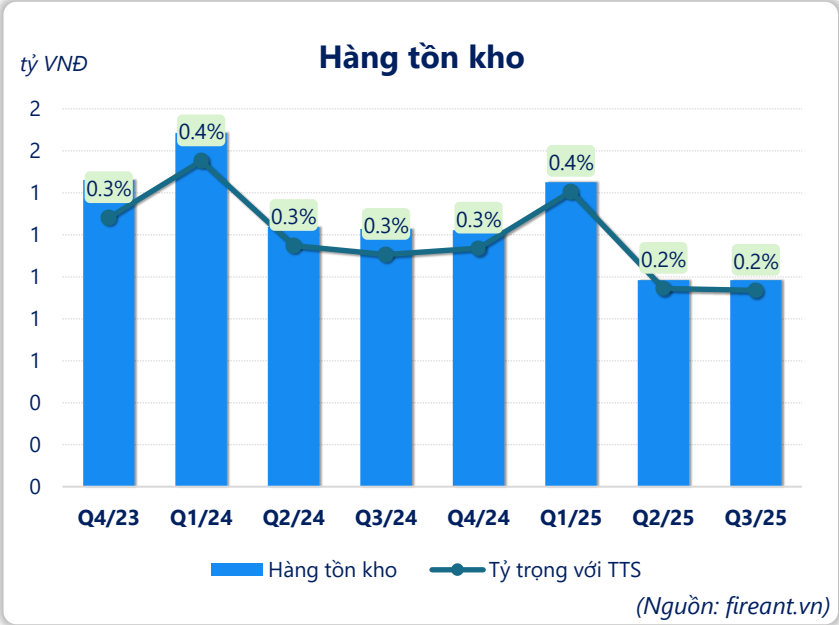
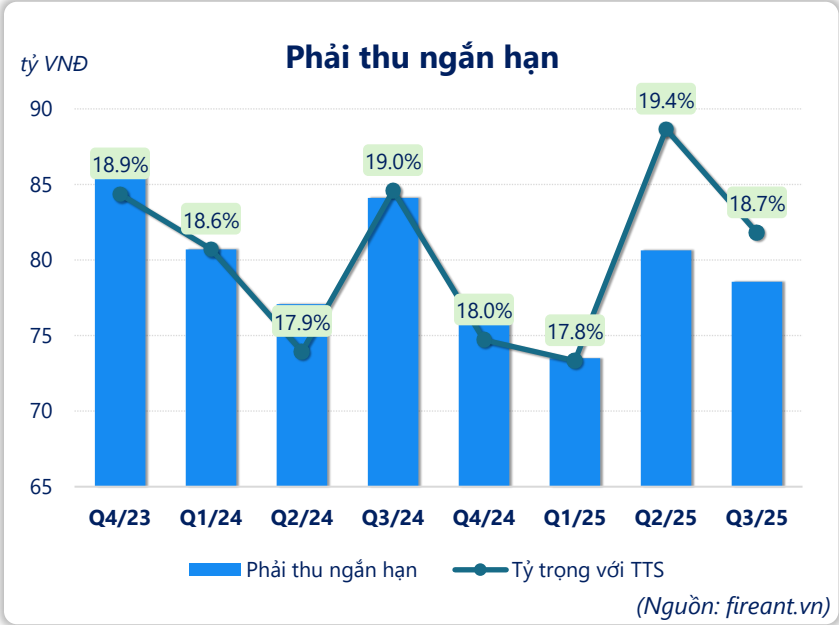
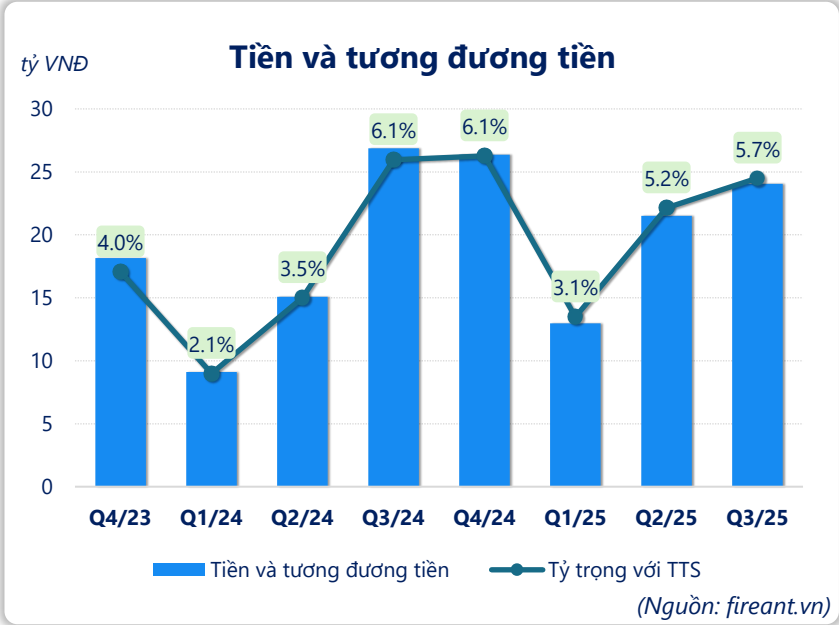
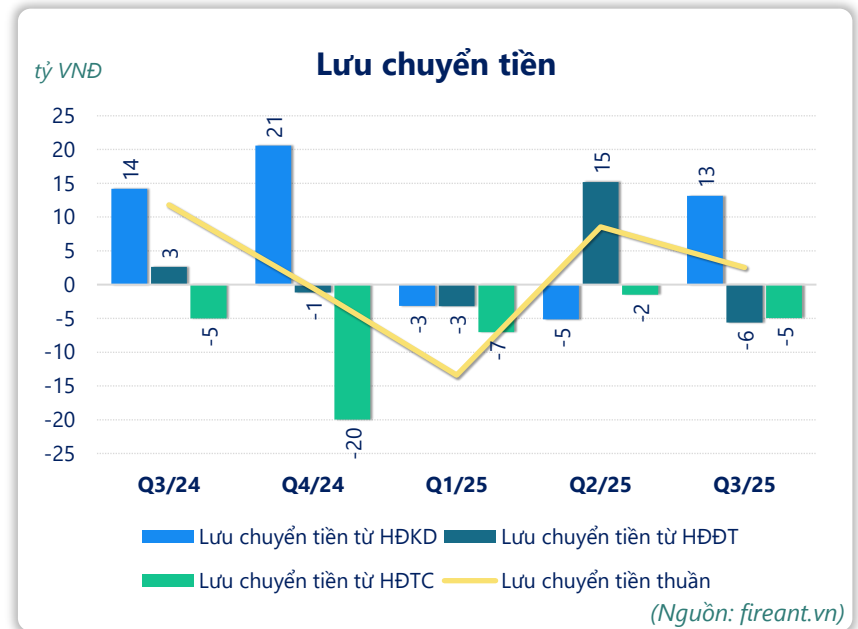
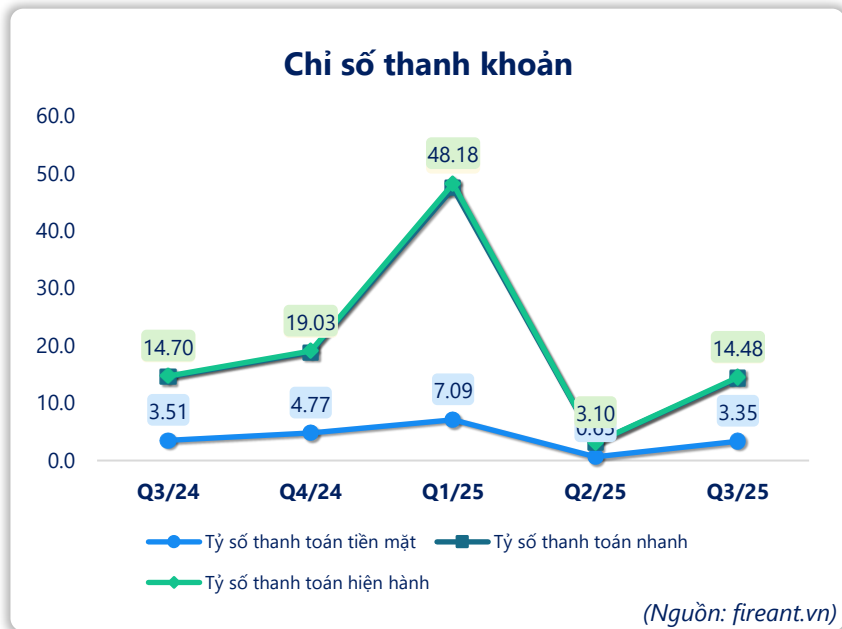
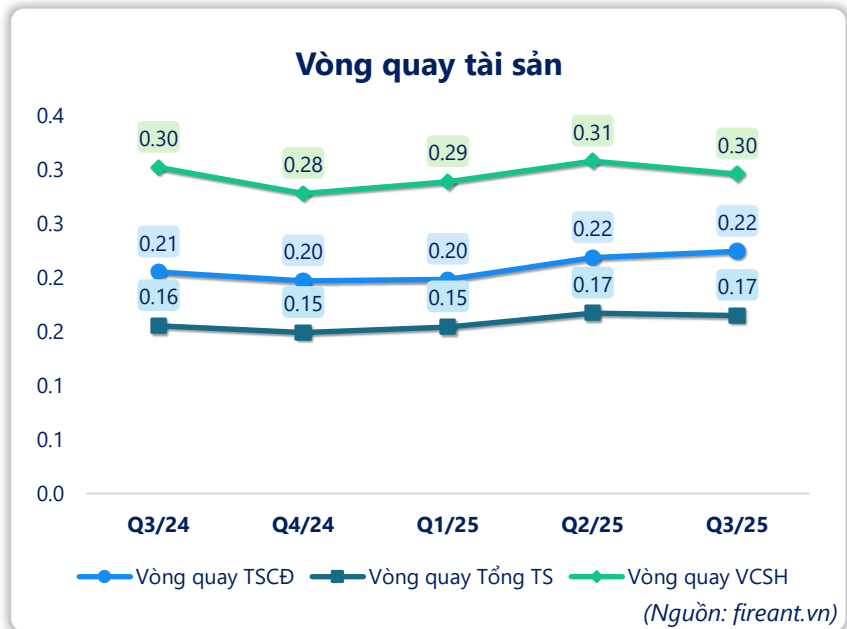
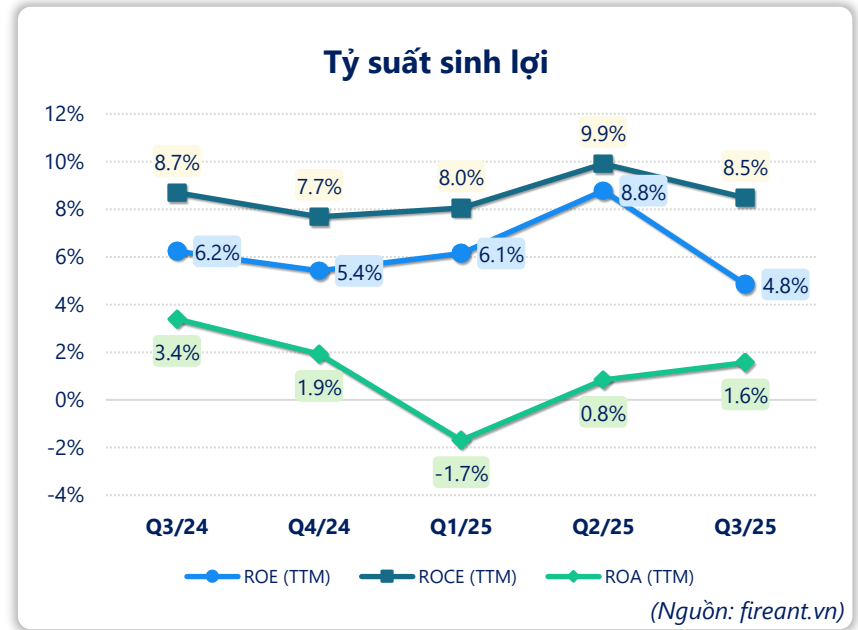
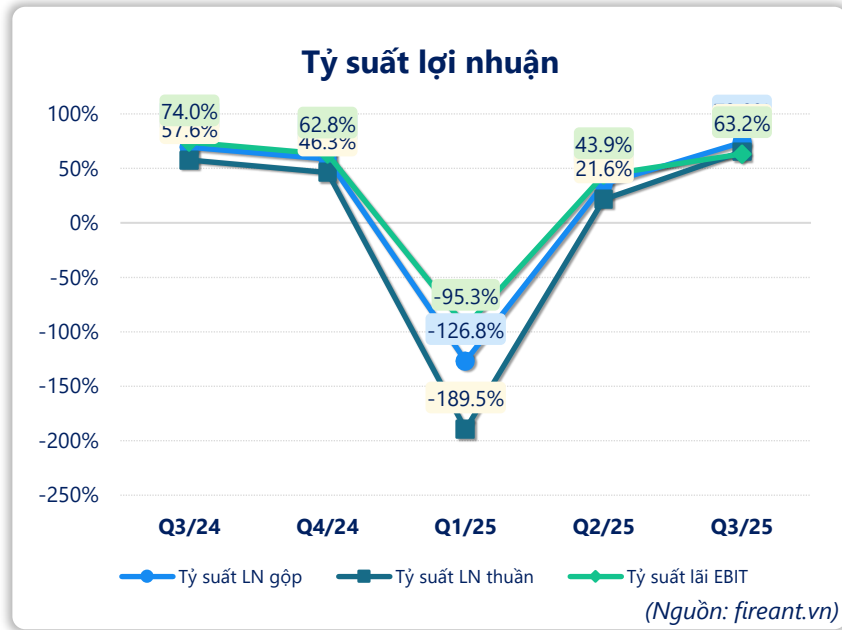
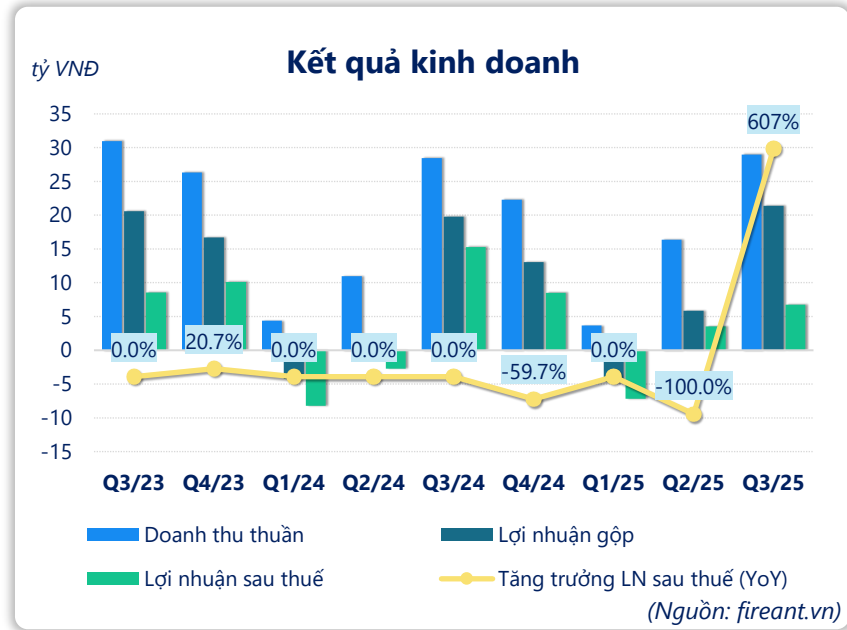


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		9,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,600
SL cổ phiếu LH		20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)		9,730
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		199
P/E		17.1
EPS		573

	YTD	1T	3T	6T
SMA	-29.0%	2.2%	-3.9%	-1.5%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	421	430	-2.2%
Tài sản ngắn hạn	104	105	-1.1%
Tiền và tương đương tiền	24.0	26.4	-8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	78.6	77.3	1.6%
Hàng tồn kho	0.98	1.22	-19.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.25	0.15	62.0%
Tài sản dài hạn	317	325	-2.6%
Phải thu dài hạn	10.0	0.01	100000%
Tài sản cố định	305	324	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	1.34	1.10	22.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	178	190	-6.3%
Nợ ngắn hạn	7.17	32.5	-78.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	27.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.96	0.09	937%
Nợ dài hạn	171	157	8.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	171	157	8.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	240	1.0%
Vốn chủ sở hữu	243	240	1.0%
Vốn điều lệ	204	204	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	28.5	22.3	3.67	16.4	29.0
Giá vốn hàng bán	8.67	9.25	8.32	10.5	7.57
Lợi nhuận gộp	19.8	13.0	-4.65	5.85	21.4
Doanh thu HĐTC	1.75	1.76	1.82	1.88	1.66
Chi phí TC	4.65	3.94	3.68	3.64	3.60
Chi phí lãi vay	4.65	3.94	3.68	3.64	3.60
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.48	0.54	0.45	0.55	0.54
LN thuần từ HĐKD	16.4	10.3	-6.96	3.55	18.9
Lợi nhuận khác	0	-0.26	-0.22	0	-4.22
LN trước thuế	16.4	10.1	-7.17	3.55	14.7
Lợi nhuận sau thuế	15.3	8.52	-7.17	3.55	6.77
LNST của CĐ cty mẹ	15.3	8.52	-7.17	3.55	6.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	14.2	20.6	-3.15	-5.15	13.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.62	-1.14	-3.21	15.2	-5.63
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-5.00	-20.0	-7.03	-1.51	-4.96
Tiền đầu kỳ	15.1	26.9	26.4	13.0	21.5
Lưu chuyển tiền thuần	11.8	-0.52	-13.4	8.54	2.54
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	26.9	26.4	13.0	21.5	24.0

(Nguồn: fireant.vn)